

Số: 198/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách nhà nước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2023, giai đoạn I: Từ năm 2022 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 186 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 - nguồn ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 3765/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày

14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công và đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022, 2023 và số vốn bố trí năm 2024 (bao gồm số vốn được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024).

- Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2024.

- Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

- Năm 2025 là năm cuối của kỳ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, do vậy trong năm 2025 cần ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch trung hạn; bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ

Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự kiến danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án, chương trình theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản: số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 và số 8600/BKHĐT-TCTT ngày 18 tháng

10 năm 2024 về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án đảm bảo phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025.

b) Nguồn vốn ngân sách tỉnh

- Đối với các dự án tỉnh quản lý: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định Kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- Đối với các dự án huyện quản lý (ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện): Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn phân bổ cho từng mục tiêu hỗ trợ của huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ mức vốn được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, việc giao chi tiết danh mục dự án thực hiện như sau:

+ Các địa phương đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn chi tiết từng dự án đối với các mục tiêu: (1) Hỗ trợ khác; (2) Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025; (3) Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các địa phương chịu trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết từng dự án đối với các mục tiêu: (1) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; (2) Chinh trang đô thị, bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật.

c) Nguồn vốn ngân sách cấp huyện

Căn cứ mức vốn Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, dự toán thu – chi nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2025, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Điều 3. Thống nhất thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025 – nguồn ngân sách địa phương

1. Giao Kế hoạch đầu tư công năm 2025 - nguồn ngân sách địa phương

Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương **4.063.360 triệu đồng**, gồm: nguồn ngân sách tập trung 591.960 triệu đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất 1.260.000 triệu đồng, nguồn xổ số kiến thiết 2.190.000 triệu đồng, nguồn bội chi nguồn ngân sách địa phương 21.400 triệu đồng. Cụ thể:

a) Ngân sách cấp tỉnh 3.204.260 triệu đồng.

b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố 859.100 triệu đồng.

(Đính kèm biểu I)

2. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình triển khai, được thực hiện:

Phân khai chi tiết các công trình cụ thể trong phạm vi kế hoạch vốn của năm đối với các đề án, dự án, chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án có khối lượng thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao cho các dự án có khối lượng thực hiện cao hơn kế hoạch vốn được giao.

Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các dự án khi có nhu cầu và có quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Cho ý kiến danh mục, mức vốn bố trí cho các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2025 – nguồn ngân sách trung ương

Dự kiến mức vốn ngân sách Trung ương năm 2025 là **1.954.145 triệu đồng** (theo mức vốn Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại các Văn bản: số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 và số 8600/BKHĐT-TCTT ngày 18 tháng 10 năm 2024 về dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia), được phân bổ như sau:

- Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực 324.592 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài: 6.165 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 119.388 triệu đồng, gồm:

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Hỗ trợ mục tiêu cho huyện Tân Biên: 2.748 triệu đồng.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 116.640 triệu đồng/03 huyện.

- Vốn ngân sách trung ương cho dự án sử dụng nguồn dự phòng chung của Kế hoạch trung hạn 2021-2025 - Nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 là 1.504.000 triệu đồng.

(Đính kèm biểu II, III, IV, V)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 16 thông qua và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 19B/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn ngân đã giải ngân từ thời điểm hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Ghi chú
														Ngân sách tập trung	Ngân sách tiền sử dụng đất	Ngân sách số kiến thiết	Ngân sách chi ngân sách địa phương	
	TỔNG CỘNG									10.293.985	9.243.705	6.897.359	4.063.360	591.960	1.260.000	2.190.000	21.400	
A	NGÂN SÁCH TỈNH									10.293.985	9.243.705	6.897.359	3.204.260	402.860	590.000	2.190.000	21.400	
A.1	TỈNH QUẢN LÝ									4.854.270	9.243.705	2.176.237	2.490.573	402.860	590.000	1.476.313	21.400	
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ									100.000		51.900	48.000					
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN									4.754.270	9.243.705	2.124.337	2.442.573	354.860	590.000	1.476.313	21.400	
II.1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP									4.274.070	8.728.688	1.804.236	2.282.483	354.860	472.910	1.433.313	21.400	
II.1.1	QUỐC PHÒNG									126.000	302.579	23.913	101.050	101.050	-	-	-	
1	Xây mới Hội trường 300 chỗ Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	DT: 2.146m2	2023-2025	257/QĐ-SKHĐT 25/11/2022	25.000	28.106	23.913	50	50				
2	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7900087	011	Xây dựng cửa khẩu	2022-2025	527/QĐ-UBND 15/3/2024	101.000	274.473		101.000	101.000				
II.1.2	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI									34.600	48.168	15.100	19.500	19.500	-	-	-	
1	Mở rộng trụ sở làm việc Công an huyện Châu Thành	Công an Tây Ninh	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004692	041	Xây dựng khối nhà làm việc, nhà bếp, nhà ăn, cải tạo nhà làm việc nhà ở chiến sĩ,...	2024-2026	2507/QĐ-UBND 01/12/2023	26.000	38.581	10.100	15.900	15.900				
2	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Tân Châu	Công an Tây Ninh	huyện Tân châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004692	041	Xây mới nhà làm việc 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	25/QĐ-UBND 22/02/2024	8.600	9.587	5.000	3.600	3.600				
II.1.3	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH									22.000	24.500	-	22.000	-	-	22.000	-	
1	Dự án thiết lập hệ thống bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các huyện, thị xã, thành phố	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7873773	139	Các cơ sở khám chữa bệnh công lập	2023-2025	137/QĐ-SKHĐT 21/5/2021; 274/QĐ-SKHĐT 14/12/2022 (đ/c)	22.000	24.500	-	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	
II.1.4	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP									23.400	26.000	13.000	10.400	-	-	10.400	-	
1	Xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Tây Ninh	TX Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8047348	083	Cải tạo sửa chữa	2023-2025	222/QĐ-SKHĐT 04/12/2023	23.400	26.000	13.000	10.400			10.400		
II.1.5	VĂN HÓA, THÔNG TIN									137.500	148.093	48.770	78.580	-	-	78.580	-	
a	VĂN HÓA									137.500	148.093	48.770	78.580	-	-	78.580	-	
1	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD tỉnh	xã Thái Bình - huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7846255	161	Xây dựng hồ bơi, cải tạo khu ký túc xá, khu căng tin, sân vận động,... bổ sung thiết bị phục vụ tập luyện và sinh hoạt của vận động viên	2023-2026	2512/QĐ-UBND 04/12/2023	55.000	57.407	15.000	30.000			30.000		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	QP đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Ghi chú
														Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn số kế hoạch kiến thiết	Nguồn bộ chỉ ngân sách địa phương	
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh, Nhà thi đấu tỉnh, Nhà thi đấu bóng bàn (cũ) trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh	Phường 3, TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8044299	161	Cải tạo, sửa chữa	2023-2025	29/QĐ-SKHDT 01/3/2024	13.500	14.978	12.070	1.430			1.430		
3	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục, công trình thuộc Di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương cục miền Nam	BQLDA ĐTXD tỉnh	huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8038514	161	Tu bổ, tôn tạo một bộ hạng mục, công trình	2023-2025	526/QĐ-UBND 15/3/2024	60.000	65.872	17.000	43.000			43.000		
4	Căn cứ Rừng Nhum	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Cầu	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8063207	161	Phục dựng các công trình, mua sắm lắp đặt các trang thiết bị	2024-2025	23/QĐ-SKHDT 05/2/2024	7.800	8.545	4.000	3.800			3.800		
5	Nhà văn hóa DTTS (Klumer) thuộc xã Biên Giới, huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	xã Biên Giới, huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8042188	161	xây mới	2024-2025	114/QĐ-SKHDT 16/9/2024	1.200	1.291	700	350			350		
II.1.6	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG									588.690	1.051.713	184.560	413.596	34.330	226.766	131.100	21.400	
a	MÔI TRƯỜNG									588.690	1.051.713	184.560	413.596	34.330	226.766	131.100	21.400	
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh giai đoạn 1	UBND thành phố Tây Ninh	thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7232853	262	5.000 m3/ngđ	2018-2025	2372/QĐ-UBND 25/9/2018; 2741/QĐ-UBND 12/11/2018; 3147/QĐ-UBND 22/11/2021 (đ/c); 2161/QĐ-UBND 24/10/2023 (đ/c)	66.690	355.564	45.590	42.500			21.100	21.400	
2	Hệ thống thu gom nước thải và vỉa hè Khu phố 3, Khu phố 4 thị trấn Dương Minh Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Dương Minh Châu	thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7945273	262	Đầu tư đường ống thu gom và xây dựng vỉa hè	2023-2025	107/QĐ-SKHDT 11/7/2022	42.000	46.609	36.116	2.500	2.500				
3	Hệ thống xử lý nước thải đô thị Hòa Thành giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	TX Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952477	262	Xây mới trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải	2023-2026	2483/QĐ-UBND 29/11/2023	230.000	349.998	55.854	170.766		60.766	110.000		
4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m3/ngày - giai đoạn 2	BQLDA ĐTXD huyện Trảng Bàng	thị xã Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7923398	262	đầu tư nhà máy nước thải công suất 10.000m3/ngđ	2022-2025	2508/QĐ-UBND 04/12/2023	250.000	299.542	47.000	197.830	31.830		166.000		
III.7	CÁCH HOẠT ĐỘNG KINH TẾ									3.308.780	7.124.171	1.496.037	1.629.357	191.980	246.144	1.191.233	-	
a	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN									417.400	935.535	259.195	149.140		-	-	-	
1	Trồng rừng mới Khu rừng Văn hóa - Lịch sử Núi Bà giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen	huyện Dương Minh Châu và thành phố Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8028683	282	Trồng mới 50 ha	2023-2025	64/QĐ-SKHDT 24/5/2023	1.500	1.659	1.294	200	200				

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công- hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn tính từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Chi chủ
														Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn số vốn kiến thiết	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
2	Bảo vệ và phát triển rừng Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	huyện Tân Châu và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8024408	282	Trồng mới 1.000 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025	55/QĐ-SKHĐT 27/4/2023	30.200	33.905	26.431	3.700					
3	Bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát giai đoạn 2023-2025	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8018049	282	Trồng mới 38,7 ha và chăm sóc rừng trồng	2023-2025	61/QĐ-SKHĐT 19/5/2023	1.500	1.668	410	1.000					
4	Nạo vét rạch Gò Suối	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu và TX Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7917428	283	Dài 5,13km	2023-2025	31/QĐ-SKHĐT 06/3/2023	23.000	21.842	7.450	15.550					
5	Nạo vét kênh Đĩa Xù từ cầu Đĩa Xù đến giáp rạch Vàm Bão	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933889	283	Tiểu thoát nước cho lưu vực 5.045 ha đất nông nghiệp và DT 730 ha khu dân cư và khu kinh tế của khu Mỏ Bàu	2023-2025	57/QĐ-SKHĐT 03/5/2023	18.000	17.209	6.250	11.750					
6	Kênh tiêu Suối Nước Đục	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933891	283	Dài 8.860m	2023-2025	70/QĐ-SKHĐT 29/5/2023	33.000	36.944	12.800	20.200					
7	Xây dựng nhà trạm BVR - Đợt QLBN&PTR	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933893	282	Xây mới 12 nhà, trạm BVR tại 12 vị trí thuộc khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	2023-2025	219/QĐ-UBND 28/10/2022	7.000	7.000	6.140	860					
8	Sửa chữa, xây mới một số hạng mục trại giống, cây trồng	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	huyện Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933892	283	980m2	2023-2025	97/QĐ-SKHĐT 22/6/2023	3.200	3.500	2.920	280					
9	Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (kênh cổ hóa kênh chính, kênh cấp 1, 2, 3 và kênh tưới)	Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT	huyện: Châu Thành và Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933894	283	Kiến cổ hóa bằng bê tông khoảng 4,3km	2023-2026	2469/QĐ-UBND 27/11/2023	100.000	600.000	84.500	15.500					
10	Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	xã Hưng Thuận-đị xã Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8026351	285	10,7 ha	2023-2025	990/QĐ-UBND 21/5/2024	200.000	211.808	111.000	80.100					
b	GAO THỐNG									2.283.580	5.189.854	1.135.362	1.086.057			16.144	1.069.913	-
1	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789	Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông	Thị xã Trảng Bàng - Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7866652	292	48,113km BTN	2021-2026	1492/QĐ-UBND 12/7/2021	1.285.000	3.416.238	900.362	384.000					
2	Đường ĐT.784C (Bàu Nang - Bàu Cóp)	Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông	D.M. Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8040249	292	Dài 3,1 km	2024-2026	448/QĐ-UBND 08/03/2024	100.000	210.306	30.000	70.000					
3	Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4	Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông	TP. Tây Ninh và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8050472	292	Chiều dài tuyến 7,14Km	2024-2027	986/QĐ-UBND 21/5/2024	700.000	1.170.778	50.000	597.057					

STT	Dự án	Chưa đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Ghi chú
														Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn số vốn kiến thiết	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
4	Nâng cấp đường kết nối với cửa khẩu quốc tế Tân Nam (đoạn từ Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tân Nam đến ngã ba giao ĐT.788 và ĐT.783)	Ban QLDA ĐTXD ngành giao thông	huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh			Chiều dài tuyến khoảng 11 km	2024-2025	460/QĐ-UBND 08/3/2024	5.000	173.687		5.000			5.000	Nguồn ngân sách địa phương	Năm 2024 nguồn NSTW phân bổ 150 tỷ đồng
5	Đường Trường Hòa - Chà Lã (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến ĐT.784)	Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông	thị xã Hòa Thành và huyện Dương Minh Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7943997	292	Dài 4.963,47m	2022-2025	2737/QĐ-UBND 29/12/2022	193.580	218.845	155.000	30.000			30.000		
c	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ									10.000	410.042	1.000	9.000	-	-	9.000	-	
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	Ban Quản lý Khu kinh tế	Khu KTKC Mộc Bài, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8037985	292	Đầu tư các dự án thuộc KKTCK Mộc Bài	2022 - 2025	2481/QĐ-UBND 29/11/2023	10.000	410.042	1.000	9.000			9.000		Dự án sử dụng vốn NSTW
d	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC									132.800	159.386	63.480	69.320	-	-	69.320	-	
1	Chống ngập và phát triển hạ tầng kỹ thuật thị xã Trảng Bàng - giai đoạn 1	BQLDA ĐTXD Thị xã Trảng Bàng	thị xã Trảng Bàng	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7923399	311	XD hệ thống cống, mương thoát nước + nạo vét rạch hiện hữu; L = 9,805km	2024-2026	269/QĐ-UBND 28/01/2022	50.000	59.990	10.000	40.000			40.000		
2	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Đông, Thạnh Tân, TP Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD ngành NNPTNT	TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7973446	311	Nâng cấp, sửa chữa	2024-2025	215/QĐ-SKHĐT 21/11/2023	6.900	7.700	6.300	600			600		
3	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Lợi, Thạnh Bình, Tân Biên	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	Thạnh Bình, huyện Tân Biên	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933888	311	500 hộ	2023-2025	42/QĐ-SKHĐT 24/3/2023	8.000	9.000	7.500	500			500		
4	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Trung, Tân Bình, TP Tây Ninh	Ban Quản lý DA ĐTXD ngành Nông nghiệp và PTNT	Tân Bình, TP Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7933886	311	400 hộ	2023-2025	60/QĐ-SKHĐT 12/5/2023	2.900	3.200	2.680	220			220		
5	Mở rộng và hệ thống thoát nước đường Tôn Đức Thắng (từ đường Thương Thái Thanh đến QL22B)	BQLDA ĐTXD Thị xã Hòa Thành	Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7934574	311	Xây dựng mặt đường và hệ thống mương	2024-2026	1635/QĐ-UBND 09/8/2023	65.000	79.496	37.000	28.000			28.000		
e	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÓ THỊ, HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÓ THỊ MỚI									385.000	429.354	37.000	273.000	-	230.000	43.000	-	
1	Chỉnh trang đường Cách mạng tháng Tám (đoạn từ cầu Quan đến đường Điện Biên Phủ)	BQL DA ĐTXD ngành Giao thông	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8050471	292	Chiều dài tuyến khoảng 4,6Km	2023-2026	982/QĐ-UBND 21/5/2024	350.000	391.742	30.000	245.000			230.000		
2	Cải tạo, chỉnh trang Công viên Xuân Hồng và Sân vận động tạo không gian mở phục vụ sinh hoạt cộng đồng	BQLDA ĐTXD tỉnh	Phường 3, TPTN	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8098818	312	Cải tạo, chỉnh trang	2024-2025	115/QĐ-SKHĐT 16/9/2024	35.000	37.612	7.000	28.000			28.000		
f	CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH, QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH; CẤP B2 LÃI XUẤT TÍN DỤNG ƯU ĐÃI, PHÍ QUẢN LÝ; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VUA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VUA; HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ									80.000	-	-	42.840	42.840	-	-	-	
1	Hỗ trợ các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018									30.000			17.840			17.840		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Trong đó:				Ghi chú
													Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
2	Hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020									50.000			25.000				
II.1.8	CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT									30.000		21.176	6.600	-	-	-	
1	Chi trả nợ gốc và lãi vay									30.000		21.176	6.600				Chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2023
II.1.9	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI									3.100	3.464	1.680	1.400	-	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Thi đua - Khen thưởng	Ban Quản lý DA ĐTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8057399	341	Sửa chữa, cải tạo	2023-2025	24/QĐ-SKHDT 05/02/2024	1.400	1.624	1.200	200				
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc văn phòng Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Tây Ninh	Ban Quản lý DA ĐTXD tỉnh	TP. Tây Ninh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8063208	341	Sửa chữa, cải tạo	2023-2025	47/QĐ-SKHDT 17/5/2024	1.700	1.840	480	1.200				
II.2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI									130.800	515.017	-	130.800	-	43.000	-	
II.2.1	QUỐC PHÒNG									4.000	4.479	-	4.000	-	-	-	
1	Công trình phục vụ đối ngoại và tổ chức sự kiện khác thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	Bộ CHBDBP tỉnh	thành phố TN	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7004686	011	Xây mới 01 nhà ăn, 01 công trình bán kiên cố, hàng mục HTKT, mua sắm TTB,...	2024-2026	188/QĐ-SKHDT 22/11/2024	4.000	4.479		4.000	4.000			
II.2.2	VĂN HÓA, THÔNG TIN									18.000	20.478	-	18.000	-	18.000	-	
a	VĂN HÓA									18.000	20.478	-	18.000	-	18.000	-	
1	Phục dựng hiện trạng Căn cứ xử lý Nam Bộ (X40 Đông Rùm) và một số công trình mới	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tân Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7846246	161	phục dựng hiện trạng	2024-2026	182/QĐ-SKHDT 15/11/2024	18.000	20.478		18.000		18.000		
II.2.3	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG									30.000	135.026	-	30.000	-	-	-	
a	MÔI TRƯỜNG									30.000	135.026	-	30.000	-	-	-	
1	Hệ thống xử lý nước thải tại trấn Châu Thành giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Châu Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7952732	262	Xây mới trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải	2025-2028	2294/QĐ-UBND 27/11/2024	30.000	135.026		30.000	30.000			
II.2.4	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ									50.300	317.553	-	50.300	-	25.000	-	
a	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN									10.300	20.700	-	10.300	-	-	-	
1	Xây dựng nhà trạm bảo vệ rừng - BQL Núi Bà	Ban QLDA ĐTXD ngành NNPTNT	DMC, TPTN	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7910598	311	Xây mới 02 nhà trạm, quy mô mỗi trạm khoảng 70m2	2025	82/QĐ-SKHDT 24/7/2024	900	1.000		900	900			

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn ngân từ khoi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:			Chi chủ
														Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn số sổ kiến thiết	Nguồn bộ chỉ ngân sách địa phương
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Trạm kiểm lâm Dầu Tiếng thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD ngành NNPTNT	Tân Châu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8035236	282	Sửa chữa, nâng cấp nhà hiện trạng. Xây mới nhà ở tập thể cho cán bộ nhân viên, Sân nền lát gạch terazzo, Mui sân trang thiết bị, hệ thống điện nước	2025	83/QĐ-SKHĐT 24/7/2024	1.800	2.000		1.800		1.800		
3	Nhà bảo vệ khu vực căn cứ Suối Mòn - BQL Núi Bà	Ban QLDA ĐTXD ngành NNPTNT		Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8035240	282	Xây mới nhà trạm bảo vệ rừng với tổng diện tích xây dựng là 100m2, Mua sắm trang thiết bị, hệ thống điện nước	2025	84/QĐ-SKHĐT 24/7/2024	600	700		600		600		
4	Nạo vét rạch Bảo từ sông Vàm Cỏ đến cầu Thúc Múc	Ban QLDA ĐTXD ngành NNPTNT	huyện Bến Cầu	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8035236	283	Lưu vực tiêu 12.996 ha	2025-2027	166/QĐ-SKHĐT 21/10/2024	7.000	17.000		7.000		7.000		
b	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									25.000	49.599	-	25.000	-	-	25.000	-
1	Xây dựng hệ thống Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Sở TT&TT	Trên địa bàn tỉnh	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8055682	314	Ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở	2024-2026	191/QĐ-SKHĐT 26/11/2024	10.000	22.000		10.000			10.000	
1	Nâng cấp mở rộng hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu đảm bảo an toàn thông tin	Sở TT&TT	Trung tâm tích hợp dữ liệu thuộc STTTT	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	7926329	314	Nâng cấp, mở rộng hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu	2025-2027	193/QĐ-SKHĐT 03/12/2024	15.000	27.599		15.000			15.000	
c	THƯƠNG MẠI									15.000	247.254	-	15.000	-	-	-	
1	Chợ Long Hoa (Khu A-B)	Ban QLDA ĐTXD TX Hòa Thành	Phường Long Hoa, TX Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8109639	321	Xây mới khoảng 18.000m2	2024-2027	2326/QĐ-UBND 03/12/2024	15.000	247.254		15.000		15000		
II.2.5	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ									8.500	9.120	-	8.500	-	-	-	
1	Xây mới Trụ sở làm việc Ban Tôn giáo	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	thành phố TN	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8104206	341	Xây mới	2025-2027	181/QĐ-SKHĐT 14/11/2024	8.500	9.120		8.500		8.500		
II.2.6	XÃ HỘI									20.000	28.361	-	20.000	-	20.000	-	
1	Nghĩa trang Trường Hòa	BQL DA ĐTXD thị xã Hòa Thành	thị xã Hòa Thành	Kho bạc nhà nước Tây Ninh	8107266	389	Hệ thống đường giao thông nội bộ; San lấp mặt bằng; hệ thống thoát nước mưa...	2024-2026	192/QĐ-SKHĐT 27/11/2024	20.000	28.361		20.000		20.000		
II.3	THÀNH TOÁN KHỎI LƯỢNG DÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN									349.400		320.101	29.290		29.290		
A.2	TÌNH HÌNH TRỢ MỤC TIỂU									5.439.715	-	4.721.122	713.687	-	-	713.687	-
1	Xây dựng nông thôn mới (bao gồm: xã điểm xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí và huyện NTM)									2.502.000	-	2.179.249	322.751	-	-	322.751	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)									1.260.000	-	1.157.253	102.747	-	-	102.747	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn ngân từ nguồn công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Chi chủ
														Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn xã số kiến thiết	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
3	Hỗ trợ khác									1.371.000	-	1.179.177	191.791	-	-	191.791		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									96.715	-	81.731	12.298	-	-	12.298		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									210.000	-	123.712	84.100	-	-	84.100		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT các huyện, tx, tp: Răng huyện: Dương Minh Châu, Gò Dầu và TX Trảng Bàng hỗ trợ 70%TMĐT (theo NQ)
Phân bổ cụ thể cho từng huyện, thị xã, thành phố																		
I	THÀNH PHỐ TÂY NINH									483.591		449.717	33.874	-	-	33.874	-	
1	Xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									45.736		45.736	-					
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)									280.000		268.601	11.399			11.399		
3	Hỗ trợ khác									150.000		127.525	22.475			22.475		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									4.755		4.755	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									3.100		3.100	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
II	THỊ XÃ HÒA THÀNH									432.985	-	395.090	37.895	-	-	37.895	-	
1	Xây dựng nông thôn mới									59.250		59.250	-					
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)									200.000		197.500	2.500			2.500		
3	Hỗ trợ khác									150.000		121.720	28.280			28.280		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									6.345		4.230	2.115			2.115		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									17.390		12.390	5.000			5.000		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
III	HUYỆN CHÁU THÀNH									804.750		728.935	75.805			75.805		
I	Xây dựng nông thôn mới (bao gồm: xã điểm xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									535.055		459.250	75.805			75.805		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Chi chủ
														Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn xã số kiến thiết	Nguồn bộ chi ngân sách địa phương	
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang 46 thì)									80.000		80.000	-					
3	Hỗ trợ khác									157.000		156.990	-					
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									22.195		22.195	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									10.500		10.500	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
IV HUYỆN DƯƠNG MINH CHÁU																		
1	Xây dựng nông thôn mới (bao gồm: xã điểm xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									351.903		299.750	52.153			52.153		
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang 46 thì)									70.000		58.671	11.329			11.329		
3	Hỗ trợ khác									157.000		111.497	45.500			45.500		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									15.855		12.007	3.848			3.848		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									37.000		20.000	17.000			17.000		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
V THỊ XÃ TRẢNG BÀNG																		
1	Xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									186.738		182.046	4.692			4.692		
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang 46 thì)									250.000		202.860	47.140			47.140		
3	Hỗ trợ khác									150.000		141.640	8.360			8.360		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									4.755		4.444	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									70.400		50.000	20.400			20.400		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
VI HUYỆN GÒ DẦU																		
1	Xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									253.508		253.508	-					
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang 46 thì)									160.000		150.000	10.000			10.000		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ đầu tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Trong đó:				Chi chủ
														Ngân sách tập trung	Ngân thu tiền sử dụng đất	Ngân xã số kiến thiết	Ngân bộ chi ngân sách địa phương	
3	Hỗ trợ khác									150.000		130.580	19.420			19.420		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									12.685		12.685	-					
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									37.410		10.000	27.410			27.410		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
VII	HUYỆN BẾN CẦU									667.613		515.909	151.691			151.691		
1	Xây dựng nông thôn mới (bao gồm: hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí và huyện đạt chuẩn NTM)									411.588		286.681	124.907			124.907		
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đó thì)									80.000		78.166	1.834			1.834		
3	Hỗ trợ khác									157.000		132.037	24.950			24.950		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									7.925		7.925	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									11.100		11.100	-					Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
VIII	HUYỆN TÂN BIÊN									514.392		475.402	38.199			38.199		
1	Xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									279.377		260.673	18.704			18.704		
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đó thì)									70.000		66.455	3.545			3.545		
3	Hỗ trợ khác									150.000		141.134	8.860			8.860		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									9.515		7.140	1.590			1.590		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									5.500		0	5.500			5.500		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
IX	HUYỆN TÂN CHÁU									629.130		516.381	108.971			108.971		
1	Xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ xã nâng cao chất lượng tiêu chí)									378.845		332.355	46.490			46.490		
2	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đó thì)									70.000		55.000	15.000			15.000		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành, kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	QĐ dẫn tư (điều chỉnh nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn tính đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2025	Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	Ghi chú	
3	Hỗ trợ khác									150.000		116.054	33.946			33.946		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%CPXD (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025									12.685		6.350	4.745			4.745		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
5	Hỗ trợ Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giao dục miễn non và giáo dục phổ thông, giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ									17.600		6.622	8.790			8.790		Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%TMĐT (theo NQ số 55/2023/NQ-HĐND)
B	NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (bao gồm chỉ ủy thác sang ngân hàng chính sách xã hội)												859.100	189.100	670.000	-		
1	Cân đối ngân sách												189.100	189.100	-	-		
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												670.000	-	670.000	-		
(I)	Phân bổ cụ thể cho từng huyện, thành phố																	
	THÀNH PHỐ TÂY NINH																	
1	Vốn ngân sách thành phố												230.000	60.000	170.000	-		
2	Cân đối ngân sách												60.000	60.000				
(II)	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												170.000		170.000			
1	Vốn ngân sách thị xã												75.200	17.200	58.000	-		
2	Cân đối ngân sách												-					
(III)	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												17.200	17.200				
1	Vốn ngân sách huyện												58.000		58.000			
2	Cân đối ngân sách												68.620	10.620	58.000	-		
(IV)	Vốn ngân sách huyện																	
1	Cân đối ngân sách												10.620	10.620				
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												58.000		58.000			
(V)	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												84.740	9.740	75.000	-		
1	Vốn ngân sách thị xã												-					
2	Cân đối ngân sách												9.740	9.740				
(VI)	Vốn ngân sách huyện												75.000		75.000			
1	Cân đối ngân sách												92.160	22.160	70.000	-		
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												22.160	22.160				
(VII)	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												70.000		70.000			
1	Vốn ngân sách huyện												122.290	14.290	108.000	-		
2	Cân đối ngân sách												14.290	14.290				
(VIII)	Vốn ngân sách huyện												108.000		108.000			
1	Cân đối ngân sách												56.060	8.060	48.000	-		
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												8.060	8.060				
(IX)	Vốn ngân sách huyện												48.000		48.000			
1	Cân đối ngân sách												56.120	18.120	38.000	-		
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												18.120	18.120				
(X)	Vốn ngân sách huyện												38.000		38.000			
1	Cân đối ngân sách												73.910	28.910	45.000	-		
2	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất												28.910	28.910				
													45.000		45.000			

Biểu II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Chuẩn bị đầu tư			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư								
	TỔNG SỐ					1.125.911	840.400	840.400	-	-	-	395.808	-	-	324.592	-	-	-		
A	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG					494.686	300.000	300.000	-	-	-	74.000	-	-	106.000	-	-	-		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025					274.473	130.000	130.000	-	-	-	74.000	-	-	56.000	-	-	-		
1	Xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	B	Tân Biên	Xây dựng trạm kiểm soát liên hợp, nhà ở các lực lượng liên ngành; trạm kiểm soát biên phòng; quốc lộ, đường trục chính, bãi xe, kho	2022-2025	1108/QĐ-UBND 23/5/2021; 527/QĐ-UBND 15/3/2024	274.473	130.000	130.000			74.000			56.000					
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025					220.213	170.000	170.000	-	-	-	-	-	-	50.000	-	-	-		
																			Công trình phải điều chỉnh Quy hoạch nên không triển khai kịp trong GP 2021-2025 nên đề xuất điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và giảm một phần KH TH 2021-2025 để điều chuyển sang dự án dự án Tuyến khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông GP2	
1	Xây dựng cửa khẩu chính Phước Tân	B	Châu Thành	Xây dựng trạm kiểm soát liên hợp, nhà ở các lực lượng liên ngành; trạm kiểm soát biên phòng; quốc lộ, đường trục chính, bãi xe, kho	2025-2028	1107/QĐ-UBND 23-5/2021	220.213	170.000	170.000						50.000			50.000		
B	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN					221.183	180.000	180.000				118.000			62.000			62.000		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025					221.183	180.000	180.000	-	-	-	118.000	-	-	62.000			62.000		

Công trình phải điều chỉnh Quy hoạch nên không triển khai kịp trong GPĐ 2021-2025 nên đề xuất điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và giảm một phần KH TH 2021-2025 để điều chuyển sang dự án dự án Tuổi trẻ khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông GD2

Stt	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư								
1	Trạm bơm Tân Long	B	Tân Châu	Tuổi, tiêu diện tích 732 ha	2022-2025	1105/QĐ-UBND 23/5/2021; 1576/QĐ-UBND 01/8/2022		221.183	180.000				118.000				62.000	62.000						
C	LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ							410.042	360.400	360.400				203.808				156.592	156.592					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025							410.042	360.400	360.400				203.808				156.592	156.592					
1	Đầu tư các dự án thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài		Khu KTKC Mộc Bài huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Đường giao thông nội bộ KKTCK	2022-2025	1106/QĐ-UBND 23/5/2021; 2483/QĐ-UBND 29/11/2023		410.042	360.400	360.400				203.808				156.592	156.592					

Biểu III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG - NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ							19.617.000	2.872.000	1.504.000	
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG							19.617.000	2.872.000	1.504.000	
	Dự án khởi công mới năm 2025							19.617.000	2.872.000	1.504.000	
1	Đầu tư xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Mộc Bài (Bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Mộc Bài đoạn qua tỉnh Tây Ninh)	Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông	A	Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Tây Ninh	51 Km	2024-2027	760/QĐ-TTg ngày 02/8/2024	19.617.000	2.872.000	1.504.000	Trong đó, UBND tỉnh Tây Ninh được giao nhiệm vụ là cơ quan có thẩm quyền đối với dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua tỉnh Tây Ninh với tổng mức đầu tư sơ bộ 1.504 tỷ đồng.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)

Trên theo Nghị quyết số 102-NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

[illegible]



Biểu V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 - NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 19B/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		KH trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
	TỔNG SỐ							2.528.318	345.294	2.976.385	470.432	445.244	119.388	
I	PT KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							24.629	17.854	30.305	26.352	2.853	2.748	
	Hỗ trợ mục tiêu					10.503	8.210	582	582	10.503	8.210	2.853	2.748	
	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					10.503	8.210	582	582	10.503	8.210	2.853	2.748	
	Dự án chuyển tiếp					1.814	1.700	582	582	1.814	1.700	1.223	1.118	
1	Đường HD A - 10 nối đường HD A - 9, xã Hòa Hiệp (điểm đầu giao đường Chàng Rục - Sóc Thiết, điểm cuối giao kênh N8)	xã Hòa Hiệp	Dài 1.000m rộng 5m sỏi	2024-2025	4604/QĐ-UBND 04/10/2024	1.814	1.700	582	582	1.814	1.700	1.223	1.118	
	Dự án khởi công mới					8.689	6.510			8.689	6.510	1.630		
1	Mương thoát nước đường Thành Tây - Hòa Hiệp (đoạn từ tổ 12 Thành Tây - Hòa Hiệp đến dốc Ô - Cà - Đây)	xã Hòa Hiệp	Dài 1.846m	2025-2026	5055/QĐ-UBND 24/10/2024	8.689	6.510			8.689	6.510	1.630	1.630	
II	Xây dựng nông thôn mới							2.503.689	327.440	2.946.080	444.080	442.391	116.640	
	Trong đó:													
1	Huyện Châu Thành											118.105	42.300	
2	Huyện Dương Minh Châu											90.533	38.380	
3	Huyện Tân Châu											82.750	35.960	